

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Ông Trần Văn Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Quang Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường C - Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 566/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ái T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ D, ấp Đ, xã L, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1990; Nơi thường trú: Tổ D, ấp Đ, xã L, tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ liên lạc: Số H, ấp N, xã G, tỉnh Đồng Nai.

(Tất cả các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 12 năm 2025, những lời khai tiếp theo và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Lê Thị Ái T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị Ái T và anh Nguyễn Thanh L quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng bốn năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ (nay là Ủy ban nhân dân xã L), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/3/2017.

Theo chị T, ngay sau khi kết hôn anh L về chung sống với gia đình của chị T ở xã T, huyện Đ (nay là xã L), tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh

phúc được khoảng 07 năm nhưng đến khoảng tháng 6/2024 thì mâu thuẫn bắt đầu phát sinh và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên lớn tiếng cãi nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình, cụ thể: sau khi kết hôn chị T đi làm công ty còn anh L chỉ ở nhà làm nghề tự do (mua bán xe máy, điện thoại, ...) nhưng chị T hoàn toàn không biết thu nhập thực tế của anh L, trong khi đó mỗi tháng chị T cũng có đưa thêm tiền để anh L quán xuyến chi tiêu trong gia đình. Tuy nhiên, anh L thường hay tụ tập bạn bè đi chơi, thậm chí gây nợ và nói chị T phụ giúp tiền chi trả nhưng khi chị T nói không có thì vợ chồng lại lớn tiếng cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt mà không thể hàn gắn được. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, khoảng tháng 9/2024 anh L đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ đẻ của anh L ở xã G, tỉnh Đồng Nai sống cho đến nay, vợ chồng có liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng chỉ trao đổi về vấn đề con cái, vợ chồng không nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn, thậm chí khi anh L uống rượu còn gọi điện trách móc, xúc phạm chị T. Do cả hai đều đã trưởng thành nên khi mâu thuẫn xảy ra cha mẹ hai bên gia đình không can thiệp cũng không khuyên bảo hay hòa giải. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với anh L nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có hai chung là cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 23/02/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Phương T1, sinh ngày 17/6/2020, hiện hai con chung đang sống cùng với chị T.

Theo đơn khởi kiện ban đầu, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) (tức 2.000.000 đồng/cháu/tháng). Tuy nhiên, ngày 18/3/2026 chị T có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị T chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Lê Thị Ái T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn - anh Nguyễn Thanh L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Ái T và anh Nguyễn Thanh L được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 23/02/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Phương T1, sinh ngày 17/6/2020 cho chị Lê Thị Ái T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai (BL 35) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 65); bị đơn vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Ái T và anh Nguyễn Thanh L tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ (nay là Ủy ban nhân dân xã L), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/3/2017 (BL 02, 28), căn cứ Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị Lê Thị Ái T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị T và anh L đã không còn sống chung với nhau từ khoảng tháng 6/2024 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Do quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nhưng chị T và anh L không trình báo nên chính quyền địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa các bên (BL 36), lời khai của chị T mặc dù không được anh L thừa nhận nhưng phù hợp với tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng - bà Nguyễn Thị Thanh H (mẹ đẻ của anh L) vào ngày 25/12/2025: “... Anh Nguyễn Thanh L và chị Lê Thị Ái T quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian thì về thưa chuyện với gia đình hai bên xin kết hôn, gia đình đã tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và hai vợ chồng có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ (nay là xã L), tỉnh Đồng Nai ngày 03/3/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà vợ tại xã L, tỉnh Đồng Nai nhưng thỉnh thoảng cuối tuần vẫn đưa con về nhà nội chơi, đến khoảng tháng 9/2024 tôi thấy anh L chuyển về nhà tôi sống, tôi chỉ biết vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do trước đó cũng từng xảy ra mâu thuẫn nên anh L về nhà tôi sống cả năm, tuy nhiên sau đó vợ chồng lại hòa giải về chung sống cùng nhau, tuy nhiên đến lần mâu thuẫn này anh L về ở hẳn nhà tôi cho đến nay, chỉ thỉnh thoảng cuối tuần anh L lên đón các cháu về nhà tôi chơi chứ từ khi mâu thuẫn chị T cũng không về qua nhà tôi. Tôi không biết thực tế mâu thuẫn vợ chồng anh chị là gì do tôi không hỏi và anh L cũng không tâm sự gì với gia đình, chỉ biết đến nay đã gần 02 năm vợ chồng sống ly thân, ít liên lạc hỏi thăm chỉ liên lạc qua con cái” (BL 38) và lời khai của người làm chứng - bà Nguyễn Thị Q (mẹ đẻ của chị T) vào ngày 30/01/2026: “Từ khi chị Lê Thị Ái T và anh Nguyễn Thanh L cưới xong thì về sống cùng với gia đình tôi nên mâu thuẫn vợ chồng tôi thường chứng kiến, ... mâu thuẫn vợ chồng xảy ra anh L là người chồng không có trách nhiệm với gia đình, không tập trung lo làm ăn mà chỉ làm linh tinh thu nhập không ổn định, có thu nhập cũng không đưa cho vợ lo cho gia đình mà tự giữ, tự xài, đến khi anh L gặp chuyện gây nợ về đòi vợ phải đưa tiền, nhưng chị T không có tiền để đưa nên hai vợ chồng gây gổ với nhau, anh L tự ý dọn đồ về nhà cha mẹ đẻ tại ấp N, xã G, tỉnh Đồng Nai để sinh sống từ giữa năm 2024 đến nay” (BL 41). Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng anh L đều không đến thể hiện việc anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T.

Từ các phân tích trên, xét mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị Lê Thị Ái T và anh Nguyễn Thanh L chung sống có hai con chung là cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 23/02/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Phương T1, sinh ngày 17/6/2020.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không sống chung, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng các con; hiện chị T làm công nhân với mức thu nhập ổn định nên chị xác định đảm bảo điều kiện chăm sóc cho con chung, tạo điều kiện sinh sống, học tập ổn định cho các con. Mặc dù yêu cầu của chị T không được anh L đồng ý nhưng phù hợp với lời khai của người làm chứng - bà Nguyễn Thị Thanh H (bà nội của các cháu) vào ngày 25/12/2025: “... Hiện nay hai cháu đều đang sống cùng mẹ tại xã L, tỉnh Đồng Nai, chỉ thỉnh thoảng anh L lên đón về nhà tôi chơi...” (BL 38) và nguyện vọng của con chung (BL 25). Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần,

không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao cháu S và cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị T hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] *Về án phí*: Chị Lê Thị Ái T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Lê Thị Ái T, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn - anh Nguyễn Thanh L.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị Ái T và anh Nguyễn Thanh L được ly hôn.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 23/02/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Phương T1, sinh ngày 17/6/2020 cho chị Lê Thị Ái T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Nguyễn Thanh L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Thanh L do chị Lê Thị Ái T không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Ái T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0012061 ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị Lê Thị Ái T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV4 - Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã La Ngà, tỉnh Đồng Nai
(GCNKH số 14/2017)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang